

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tiến;

2. Ông Lò Văn Tiếp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tham
gia phiên tòa:*** Bà Hà Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu,
tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-
HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4
năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mùa Thị C, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; Vắng mặt, có đơn đề nghị
giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vàng A C, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa
vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái; địa chỉ
trụ sở đóng tại tổ 13, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22-02-2024, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mùa Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng A C đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và ký kết hôn tại UBND xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào ngày 22 tháng 4 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vàng A C nghiện ma túy, không chịu khó làm việc, thường xuyên lấy tài sản của gia đình đi bán để mua ma túy sử dụng, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe, đến ngày 10 tháng 5 năm 2023 anh C bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 20 tháng, đến tháng 6 năm 2023 thì anh C bị đưa đi vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái giải quyết cho chị ly hôn anh Vàng A C.

Về con chung: Chị và anh Vàng A C có 02 con chung là Vàng A H, sinh ngày 09-4-2015 và Vàng Thị L, sinh ngày 15-11-2016. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Vàng A C tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo trích lục kết hôn số 03/2024/TLKH-BS ngày 22-02-2024 của UBND xã Túc Đán thể hiện chị Mùa Thị C, sinh năm 1997; một số tài liệu khác lại thể hiện chị C sinh năm 2000. Tại giấy xác nhận ngày 22-02-2024 của Công xã Túc Đán xác nhận: Mùa Thị C, sinh ngày 07-8-2000 trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại Công an xã Túc Đán và Mùa Thị C, sinh ngày 01-01-1997 trong Giấy khai sinh do UBND xã Túc Đán cấp ngày 22-02-2024 và trong giấy khai sinh của con Vàng Thị L có họ tên mẹ là Mùa Thị C có năm sinh 2000, đều là một người.

Ngày 28-3-2024 tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, bị đơn anh Vàng A C đề nghị Tòa án lấy lời khai: Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu đã tiến hành lấy lời khai của anh Vàng A C với sự chứng kiến của anh Nguyễn Đức T - Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Tại biên bản lấy lời khai anh Vàng A C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Mùa Thị C đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 4 năm 2015 tại UBND xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do anh C nghiện ma túy, không giúp đỡ được vợ và các con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến tháng 6 năm 2023 thì anh C đi chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái, vợ chồng xa cách không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, chị Mùa Thị C đề nghị ly hôn anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Mùa Thị C có 02 con chung là Vàng A H, sinh ngày 09-4-2015 và Vàng Thị L, sinh ngày 15-11-2016. Nếu chị C nhất quyết ly hôn, do anh đang đi chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện nuôi con, anh có nguyện vọng để chị C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A H và Vàng Thị L, trong trường hợp chị C đi lấy chồng khác thì để 02 con chung cho bố mẹ anh C là Vàng A S và Hằng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Anh không đề nghị chị C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Mùa Thị C tự thỏa thuận với nhau, chưa đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi được lấy lời khai, anh Vàng A C đã được nghe đọc lại toàn bộ nội dung đã trình bày, xác nhận là biên bản ghi đúng ý kiến của anh C; tuy nhiên anh Vàng A C từ chối ký vào biên bản lấy lời khai và không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự không ký để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28-3-2024, chị Mùa Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn, anh Vàng A C không nhất trí ly hôn. Về con chung chị Mùa Thị C và Vàng A C cùng thống nhất có 02 con chung là Vàng A H, sinh ngày 09-4-2015 và Vàng Thị L, sinh ngày 15-11-2016 và thỏa thuận nếu chị C nhất quyết ly hôn thì giao 02 con chung là Vàng A H và Vàng Thị L cho chị Mùa Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Vàng A C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án đã lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, các đương sự đã được nghe đọc lại toàn bộ biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải dưới sự chứng kiến của anh Nguyễn Đức T - Cán bộ Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái và người phiên dịch tiếng Mông ông Mùa A D. Các đương sự xác nhận các nội dung trong hai biên bản trên là đúng ý kiến của mình. Tuy nhiên anh Vàng A C từ chối ký nhận vào biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải và không có lý do. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc đương sự không ký để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Mùa Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Vàng A C theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh C trình bày: Hiện nay anh đang phải chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nên không thể đến tham gia phiên tòa sơ thẩm được, đề nghị được vắng mặt trong phiên tòa xét xử sơ thẩm của Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mùa Thị C, xử cho chị Mùa Thị C được ly hôn với anh Vàng A C.

- Về con chung: Giao cho chị Mùa Thị C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Vàng A H, sinh ngày 09-4-2015 và Vàng Thị L, sinh ngày 15-11-2016, anh Vàng A C không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Mùa Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Vàng A C cư trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Mùa Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Vàng A C và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mùa Thị C và anh Vàng A C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào năm 2015. Việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị C và anh C sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, không chịu khó làm việc thường xuyên lấy tài sản của gia đình đi bán để mua ma túy sử dụng; ngày 10 tháng 5 năm 2023 anh C bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 20 tháng, đến tháng 6 năm 2023 thì anh C bị đưa đi vào Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái; vợ chồng sống ly thân; không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn anh Vàng A C; anh C không nhất trí ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị C và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị C đề nghị được ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Mùa Thị C và Vàng A C có 02 con chung là Vàng A H, sinh ngày 09-4-2015 và Vàng Thị L, sinh ngày 15-11-2016. Khi ly hôn chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Vàng A H và Vàng Thị L và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung; ý kiến của anh C nếu chị C nhất quyết ly hôn thì anh cùng nhất trí để chị C nuôi dưỡng hai con chung là Vàng A H và Vàng Thị L vì anh đang đi chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện nuôi con.

Theo quy định tại Điều 71 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: C mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên; mặt khác do anh Vàng A C đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản lấy của hai cháu Vàng A H và Vàng Thị L đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, để các cháu có thể phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị C, tiếp tục để 02 con chung là Vàng A H và Vàng Thị L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị C, sau khi ly hôn anh Vàng A C

có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo*:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mùa Thị C đối với anh Vàng A C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mùa Thị C được ly hôn anh Vàng A C.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Vàng A H, sinh ngày 09-4-2015 và Vàng Thị L, sinh ngày 15-11-2016 cho chị Mùa Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh Vàng A C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mùa Thị C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2023/0000461 ngày 23-02-2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trầm Bái, tỉnh Yên Bái.

Chị Mùa Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Vàng A C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Túc Đán;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lân